TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 12- 4- 2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Tô Thị Thy Tuyết**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Đích**.

2. Bà **Nguyễn Thị Thu Hà**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Mỹ Thương** – Thư ký Tòa án của TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Vân Anh**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HPT ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **La Thị L**, sinh năm 1990.

Nơi ĐKHKTT: Tổ 11, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Chổ ở hiện nay: Số 89 đường P, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Duy P**, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Số 02 đường B, tổ 11, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà La Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà xây dựng gia đình với ông Nguyễn Duy P vào năm 2009, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng vào năm 2010.

Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân là do ông Nguyễn Duy P không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, ham chơi bài bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả, xích mích, nói năng không tôn trọng nhau. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Nguyễn Duy P vẫn không thay đổi. Mâu thuẩn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Do mâu thuẩn vợ chồng xảy ra nên bà và ông Nguyễn Duy P sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay bà xác định mâu thuẩn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, nếu kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không đem lại kết quả, vì vậy bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Duy P.

- Về nuôi con chung: Bà La Thị L xác định có 03 con chung là Nguyễn Duy T, sinh ngày 01/10/2010, Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 16/6/2012 và Nguyễn La Đan N, sinh ngày 10/01/2014. Nếu ly hôn, bà L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn La Đan N. Bà đồng ý giao cả hai con chung Nguyễn Duy T và Nguyễn Duy Đ cho ông Nguyễn Duy P trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung: Bà La Thị L xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà La Thị L xác định không có nợ chung.

* Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Duy P đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án ly hôn nhưng ông Nguyễn Duy P không đến Tòa án nên không ghi được lời trình bày.

* Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà La Thị L đối với ông Nguyễn Duy P. Đề nghị HĐXX tuyên xử cho bà La Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Duy P.

- Về con chung:

Giao con chung Nguyễn La Đan N, sinh ngày 10/01/2014 cho bà La Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung Nguyễn Duy T, sinh ngày 01/10/2010 và Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 16/6/2012 cho ông Nguyễn Duy P trực tiếp nuôi dưỡng.

Do bà L không yêu cầu ông Nguyễn Duy P cấp dưỡng nên không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà La Thị L xác định không có. Ông Nguyễn Duy P không có lời khai nên không xác định tài sản chung và nợ chung, do đó không đề cập đến. Nếu sau này có tranh chấp thì ông Nguyễn Duy P, bà La Thị L có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án Ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Duy P đang cư trú tại Số 02 đường B, tổ 11, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn Duy P nhưng tại phiên tòa ông Nguyễn Duy P vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét vử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Duy P.

Về nội dung vụ án:

[3] Bà La Thị L và ông Nguyễn Duy P xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường N, quận S, Tp Đà Nẵng vào năm 2010. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà La Thị L trình bày là do ông Nguyễn Duy P không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, ham chơi bài bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả, xích mích, nói năng không tôn trọng nhau. Bà La Thị L đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Nguyễn Duy P vẫn không thay đổi, tiếp tục tái diễn. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay, không ai có trách

nhiệm gì với nhau. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà bà La Thị L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không còn khả năng hàn gắn được nữa nên nguyện vọng của bà xin được ly hôn ông Nguyễn Duy P. Còn bị đơn ông Nguyễn Duy P mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông vắng mặt không có lý do.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà La Thị L thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Duy P nhiều lần để hoà giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông Nguyễn Duy P không chấp hành. Điều này thể hiện ông Nguyễn Duy P vừa coi thường pháp luật, vừa thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, bản thân ông Nguyễn Duy P không còn thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình với bà La Thị L nữa, mặt khác mâu thuẩn vợ chồng mà bà La Thị L trình bày cũng phù hợp với các thông tin mà chính quyền địa phương nơi ông, bà đang cư trú cung cấp. Điều đó chứng tỏ mâu thuẩn vợ chồng ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà La Thị L là phù hợp.

[6] Về nuôi con chung: Con chung giữa bà La Thị L và ông Nguyễn Duy P có 03 người là Nguyễn Duy T, sinh ngày 01/10/2010, Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 16/6/2012 và Nguyễn La Đan N, sinh ngày 10/01/2014. Tại phiên toà bà L có nguyện vọng xin được nuôi con chung Nguyễn La Đan N, sinh ngày 10/01/2014. Đối với con Nguyễn Duy T, sinh ngày 01/10/2010, Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 16/6/2012 hiện đang được ông Nguyễn Duy P và cha mẹ của ông P trực tiếp nuôi dưỡng nên bà đồng ý giao cả hai con chung cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[7] Xét yêu cầu của bà La Thị L về việc nuôi con chung thì thấy hiện nay con Nguyễn La Đan N đang được bà La Thị L trực tiếp nuôi dưỡng và phát triển tốt. Các con Nguyễn Duy T và Nguyễn Duy Đ hiện đang được ông Nguyễn Duy P và cha mẹ của ông P trực tiếp nuôi dưỡng và phát triển tốt vì vậy HĐXX thấy rằng không cần thiết phải xáo trộn cuộc sống của các con mà nên tiếp tục giao con Nguyễn La Đan Nc cho bà La Thị L trực tiếp nuôi dưỡng và giao Nguyễn Duy T và Nguyễn Duy Đ ông Nguyễn Duy P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với cuộc sống hiện tại cũng như nguyện vọng của các con và phù hợp với các quy định của pháp luật.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Duy P vắng mặt không ghi được lời khai nên không xác định được khối tài sản chung và nợ chung của vợ chồng là có hay không, do đó HĐXX thấy cần phải tách phần tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Nếu sau này một trong hai bên có đơn khởi kiện

kèm theo chứng cứ chứng minh thì Toà án có thẩm quyền sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[9] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng bà La Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà La Thị L đối với ông Nguyễn Duy P.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà La Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Duy P.

2. Về quan hệ con chung:

- Giao con chung Nguyễn La Đan N, sinh ngày 10/01/2014 cho bà La Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Giao con chung Nguyễn Duy T, sinh ngày 01/10/2010 và Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 16/6/2012 cho ông Nguyễn Duy P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000đồng bà La Thị L phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng biên lai thu số 0003089 ngày 07 tháng 12 năm 2021.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường N, quận S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Thy Tuyết